

Số: /BC-UBND

Ba Đồn, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI NĂM 2024,
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUẢN LÝ
VÀ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI NĂM 2025

UBND thị xã Ba Đồn báo cáo tình hình quản lý và sử dụng đất đai năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ thực hiện kế hoạch quản lý và sử dụng đất đai năm 2025 cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI NĂM 2024:

Triển khai thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 2024, công tác quản lý và sử dụng đất thị xã Ba Đồn đã đạt được những kết quả như sau:

Tổng diện tích tự nhiên của toàn thị xã năm 2024 là 16.230,11 ha, chia ra các nhóm đất như sau:

- Đất nông nghiệp 11.054,59 ha chiếm 68,11 % tổng diện tích tự nhiên.
- Đất phi nông nghiệp 4.537,30 ha chiếm 27,96 % tổng diện tích tự nhiên.
- Đất chưa sử dụng 638,22 ha chiếm 3,93% tổng diện tích tự nhiên.

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất so với kế hoạch được duyệt như sau:

Thực hiện Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thị xã Ba Đồn. UBND thị xã đã tiến hành triển khai việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất để thực hiện các công trình, dự án theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng được duyệt. Kết quả thực hiện đạt được cụ thể như sau:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất so với kế hoạch được duyệt

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2024 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện năm 2024		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)-(4)	(7) = (5)/(4)*100%
1	Đất nông nghiệp	NNP	10.739,91	11.054,59	314,68	102,93
	<i>Trong đó:</i>		-	-	-	-
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.544,98	2.721,10	176,12	106,92
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.454,93</i>	<i>2.619,76</i>	<i>164,83</i>	<i>106,71</i>

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2024 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện năm 2024		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.219,54	1.253,14	33,60	102,76
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	198,00	199,22	1,22	100,62
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.296,67	1.255,13	-41,54	96,80
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	5.066,37	5.155,33	88,96	101,76
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>2.877,24</i>	<i>2.877,24</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	411,53	467,77	56,24	113,67
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,82	2,90	0,08	102,84
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.935,09	4.537,30	-397,79	91,94
	<i>Trong đó:</i>		<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	49,56	27,50	-22,06	55,49
2.2	Đất an ninh	CAN	5,40	3,93	-1,47	72,78
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	20,20	-	-20,20	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	46,50	37,53	-8,97	80,71
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	15,82	10,59	-5,23	66,94
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	3,40	-	-3,40	-
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	26,56	26,63	0,07	100,26
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.097,78	1.905,66	-192,12	90,84
	<i>Trong đó:</i>		<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	Đất giao thông	DGT	1.151,25	969,55	-181,70	84,22
-	Đất thủy lợi	DTL	432,32	435,89	3,57	100,83
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	13,72	8,31	-5,41	60,57
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	13,05	5,34	-7,71	40,92
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	58,20	55,40	-2,80	95,19
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	27,99	21,97	-6,02	78,49
-	Đất công trình năng lượng	DNL	41,86	40,75	-1,11	97,35

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2024 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện năm 2024		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,41	0,43	0,02	104,88
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,32	0,92	-0,40	69,70
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,90	1,90	-	100,00
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	15,53	15,66	0,13	100,84
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	328,52	337,76	9,24	102,81
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	-	-	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-	-	-	-
-	Đất chợ	DCH	11,71	11,78	0,07	100,60
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	11,52	8,46	-3,06	73,44
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	4,53	3,90	-0,63	86,09
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	422,72	352,02	-70,70	83,27
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	564,34	365,73	-198,61	64,81
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,77	10,84	-3,93	73,39
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,52	3,12	-0,40	88,64
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	9,74	9,80	0,06	100,62
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.474,70	1.585,45	110,75	107,51
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	164,03	186,14	22,11	113,48
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	555,11	638,22	83,11	114,97

1.1. Đất nông nghiệp:

Chỉ tiêu diện tích đất nông nghiệp được duyệt đến năm 2024 là 10.739,91 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 11.054,59 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 314,68 ha, đạt 102,93%. Cụ thể các loại đất như sau:

a. Đất trồng lúa: Chỉ tiêu diện tích đất trồng lúa được duyệt đến năm 2024 là 2.544,98 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 2.721,10 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 176,12 ha, đạt 106,92%.

Diện tích đất trồng lúa cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã đăng ký chuyển đổi đất trồng lúa sang các loại đất khác để thực hiện các công trình, dự án nhưng có nhiều dự án chưa thực hiện được do nhiều nguyên nhân khác nhau. Cụ thể như: Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025; Khu đô thị tại khu vực trung tâm thị xã Ba Đồn (Thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của Thủ tướng Chính phủ); Khu tiểu thủ công nghiệp tại phường Quảng Thuận; Phát triển quỹ đất khu dân cư phía Bắc tuyến đường tỉnh lộ 559B, xã Quảng Sơn (Giai đoạn 1); Dự án Khu dân cư và đường Lý Thường Kiệt đoạn qua phường Quảng Thuận; Nhà thi đấu đa năng và các công trình thị xã Ba Đồn; Bệnh viện đa khoa Khu vực Bắc Quảng Bình (cơ sở 2);... dẫn đến chỉ tiêu đất trồng lúa có sự chênh lệch.

b. Đất trồng cây hàng năm khác: Chỉ tiêu diện tích đất trồng cây hàng năm khác được duyệt đến năm 2024 là 1.219,54 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 1.253,14 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 33,60 ha, đạt 102,76%.

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã đăng ký chuyển đổi đất trồng cây hàng năm khác sang các loại đất khác để thực hiện các công trình, dự án nhưng có nhiều dự án chưa thực hiện được do nhiều nguyên nhân khác nhau. Cụ thể như: Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025; Đường từ ngã tư Quảng Thọ ra Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn (Đường Võ Nguyên Giáp); HTKT Khu tái định cư phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn (phục vụ GPMB Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3); HTKT Khu dân cư phía Nam đường Quang Trung, phường Quảng Thọ;... dẫn đến chỉ tiêu đất trồng cây hàng năm khác có sự chênh lệch.

c. Đất trồng cây lâu năm: Chỉ tiêu diện tích đất trồng cây lâu năm được duyệt đến năm 2024 là 198,00 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 199,22 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 1,22 ha, đạt 100,62%.

Diện tích đất trồng cây lâu năm cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã đăng ký chuyển đổi đất trồng cây lâu năm sang các loại đất khác để thực hiện các công trình, dự án nhưng có nhiều dự án chưa thực hiện được do nhiều vấn đề như nguồn vốn, địa điểm xây dựng, các thủ tục pháp lý hoặc thực hiện với diện tích nhỏ hơn so với diện tích đã đăng ký... Cụ thể như: Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025; Hạ tầng đường giao thông từ đường Nguyễn Trãi đi quốc lộ 1A, TDP Tiên Phong, phường Quảng Long; Dự án Điểm dân cư khu vực vườn Phụ Lão, thôn Thượng Thôn, xã Quảng Trung; Dự án HTKT tạo quỹ đất ở KDC phía Nam đường Hùng Vương (Giai đoạn 2);... dẫn đến chỉ tiêu đất trồng cây lâu năm có sự chênh lệch.

d. Đất rừng phòng hộ: Chỉ tiêu diện tích đất rừng phòng hộ được duyệt đến năm 2024 là 1.296,67 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 1.255,13 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 41,54 ha, đạt 96,80%.

Diện tích đất rừng phòng hộ thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã đăng ký nhưng chưa thực hiện Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và Tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR) tỉnh Quảng Bình (tại thị xã Ba Đồn) dẫn đến chỉ tiêu đất rừng phòng hộ có sự chênh lệch.

đ. Đất rừng sản xuất: Chỉ tiêu diện tích đất rừng sản xuất được duyệt đến năm 2024 là 5.066,37 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 5.155,33 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 88,96 ha, đạt 101,76%.

Diện tích đất rừng sản xuất cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong kế hoạch sử dụng đất 2024 đã đăng ký chuyển đổi đất rừng sản xuất sang các loại đất khác để thực hiện các công trình, dự án nhưng có nhiều dự án chưa thực hiện được do nhiều vấn đề như nguồn vốn, địa điểm xây dựng, các thủ tục pháp lý... như: Thao trường bắn lực lượng vũ trang thị xã Ba Đồn tại xã Quảng Tiên; Thao trường huấn luyện diễn tập của Ban chỉ huy quân sự thị xã Ba Đồn; Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025; Đường dây 500Kv Quảng Trạch - Đốc Sỏi; Dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL 12A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh; Hạ tầng đường giao thông từ đường Nguyễn Trãi đi quốc lộ 1A, TDP Tiên Phong, phường Quảng Long; Xây dựng Quảng trường biển thị xã Ba Đồn; Khu đô thị phức hợp du lịch nghỉ dưỡng thương mại tại phường Quảng Thọ;... dẫn đến chỉ tiêu đất rừng sản xuất có sự chênh lệch.

e. Đất nuôi trồng thủy sản: Chỉ tiêu diện tích đất nuôi trồng thủy sản được duyệt đến năm 2024 là 411,53 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 467,77 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 56,24 ha, đạt 113,67%.

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản cao hơn so với chỉ tiêu là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã đăng ký chuyển đổi đất nuôi trồng thủy sản sang các loại đất khác để thực hiện các công trình, dự án nhưng có nhiều dự án chưa thực hiện được như: Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025; Dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL 12A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh; Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ nuôi trồng thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá thị xã Ba Đồn (Giai đoạn 1); Hệ thống hạ tầng kỹ thuật cầu kết hợp đường hai đầu cầu qua thôn Minh Tiến, xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn; Khu đô thị tại khu vực trung tâm thị xã Ba Đồn (Thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của Thủ tướng Chính phủ); Dự án HTKT tạo quỹ đất ở KDC phía Nam đường Hùng Vương (Giai đoạn 2);... dẫn đến diện tích đất nuôi trồng thủy sản có sự chênh lệch.

f. Đất nông nghiệp khác: Chỉ tiêu diện tích đất nông nghiệp khác được duyệt đến năm 2024 là 2,82 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 2,90 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 0,08 ha, đạt 102,84%.

Diện tích đất nông nghiệp khác cao hơn so với chỉ tiêu là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có các dự án đất nông nghiệp khác đã được đăng ký nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được do nhiều vấn đề như nguồn vốn, địa điểm xây dựng, các thủ tục pháp lý như: Nâng cấp hệ thống tưới tiêu và thoát lũ sông Kênh Kìa khu vực thị xã Ba Đồn và Quảng Trạch thuộc dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - tiểu dự án Quảng Bình, dẫn đến chỉ tiêu đất nông nghiệp khác có sự chênh lệch.

1.2. Đất phi nông nghiệp: Chỉ tiêu diện tích đất phi nông nghiệp được duyệt đến năm 2024 là 4.935,09 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 4.537,30 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 397,79 ha, đạt 91,94%. Cụ thể các loại đất như sau:

a. Đất quốc phòng: Chỉ tiêu diện tích đất quốc phòng được duyệt đến năm 2024 là 49,56 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 27,50 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 22,06 ha, đạt 55,49%.

Diện tích đất quốc phòng thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có một số công trình đất quốc phòng đã đăng ký trong kế hoạch nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau đến nay vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đủ diện tích đã đăng ký như: Thao trường huấn luyện diễn tập của Ban chỉ huy quân sự thị xã Ba Đồn; Thao trường bắn lực lượng vũ trang thị xã Ba Đồn tại xã Quảng Tiên;... dẫn đến chỉ tiêu đất quốc phòng có sự chênh lệch.

b. Đất an ninh: Chỉ tiêu diện tích đất an ninh được duyệt đến năm 2024 là 5,40 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 3,93 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 1,47 ha, đạt 72,78%.

Diện tích đất an ninh thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có một số công trình đất an ninh đã đăng ký trong kế hoạch nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau đến nay vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đủ diện tích đã đăng ký như: Trụ sở công an xã Quảng Hải; Trụ sở công an xã Quảng Hòa; Trụ sở công an xã Quảng Tân; Trụ sở công an xã Quảng Thủy; Trụ sở công an xã Quảng Tiên; Trụ sở công an xã Quảng Văn;... dẫn đến chỉ tiêu đất an ninh có sự chênh lệch.

c. Đất cụm công nghiệp: Chỉ tiêu diện tích đất cụm công nghiệp được duyệt đến năm 2024 là 20,20 ha. Năm 2024 chưa có công trình nào được thực hiện, do vậy đất cụm công nghiệp thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 20,20 ha.

Diện tích cụm công nghiệp thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có công trình Cụm công nghiệp tại phường

Quảng Thọ đã đăng ký nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau đến nay vẫn chưa thực hiện.

d. Đất thương mại dịch vụ: Chỉ tiêu diện tích đất thương mại dịch vụ được duyệt đến năm 2024 là 46,50 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 37,53 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 8,97 ha, đạt 80,71%.

Diện tích đất thương mại dịch vụ thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có một số công trình đất thương mại dịch vụ đã đăng ký trong kế hoạch nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau đến nay vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đủ diện tích đã đăng ký như: Khu liên hợp thể thao giải trí Tiên Phong của Công ty TNHH xây dựng Tổng hợp Tiên Phong, phường Quảng Long; phường Quảng Phúc; Đấu giá thuê đất Siêu thị thương mại khu vực Rạp trời; Trung tâm dịch vụ Nam sông Gianh; Trung tâm thương mại dịch vụ - liên hợp thể thao Tiên Phong,.... và nhiều công trình dự án chưa đến kỳ thực hiện dẫn đến chỉ tiêu diện tích đất thương mại dịch vụ có sự chênh lệch.

e. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Chỉ tiêu diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp được duyệt đến năm 2024 là 15,82 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 10,59 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 5,23 ha, đạt 66,94%.

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có một số công trình đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đã đăng ký trong kế hoạch nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau đến nay vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đủ diện tích đã đăng ký như: Kho bãi tập kết và xưởng sửa chữa ô tô Quảng Long; Đầu tư xây dựng khu vực đóng mới và sửa chữa tàu thuyền nghề cá; Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền nghề cá Huệ Thê; Khu tiểu thủ công nghiệp tại phường Quảng Thuận dẫn đến chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có sự chênh lệch.

f. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Chỉ tiêu đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản được duyệt đến năm 2024 là 3,40 ha. Năm 2024 chưa có công trình nào được thực hiện, do vậy đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản thấp hơn chỉ tiêu được duyệt là 3,40 ha.

Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có công trình Mỏ đất làm vật liệu san lấp tại Đồng Hòa, xã Quảng Sơn đã đăng ký trong kế hoạch nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau đến nay vẫn chưa thực hiện dẫn đến chỉ tiêu đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản có sự chênh lệch.

g. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Chỉ tiêu diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm được duyệt đến năm 2024 là 26,56 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 26,63 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 0,07 ha, đạt 100,26%.

Diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có một số công trình, dự án đăng ký chuyển đổi đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm sang các loại đất khác nhưng có nhiều dự án chưa thực hiện được hoặc thực hiện chưa đủ diện tích đã đăng ký do nhiều nguyên nhân khác nhau như: Cụm công nghiệp tại phường Quảng Thọ dẫn đến chỉ tiêu đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm có sự chênh lệch.

h. Đất phát triển hạ tầng cấp Quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Chỉ tiêu diện tích đất phát triển hạ tầng cấp Quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được duyệt đến năm 2024 là 2.097,78 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 1.905,66 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 192,12 ha, đạt 90,84%. Trong đó:

- Đất giao thông: Chỉ tiêu đất giao thông được duyệt đến năm 2024 là 1.151,25 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 969,55 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 181,70 ha, đạt 84,22%.

Diện tích đất giao thông thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có một số công trình đất giao thông đã đăng ký thực hiện nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được như: Hạ tầng các tuyến đường nối từ Quốc lộ 12A phường Quảng Phong đi phường Quảng Long và kết nối đường đi trung tâm huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1); Dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL 12A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh; Tuyến đường trục chính Quốc lộ 12A đi vùng Nam, đoạn từ xã Quảng Lộc đi cụm trung tâm các xã vùng Nam; Tuyến đường kết nối trung tâm thị xã Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch; Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Bắc sông Gianh, phường Quảng Phúc; Đường từ ngã tư Quảng Thọ ra Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn (Đường Võ Nguyên Giáp);... dẫn đến chỉ tiêu đất giao thông có sự chênh lệch.

- Đất thủy lợi: Chỉ tiêu đất thủy lợi được duyệt đến năm 2024 là 432,32 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 435,89 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 3,57 ha, đạt 100,83%.

Diện tích đất thủy lợi cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 do có một số công trình, dự án đăng ký chuyển đổi đất thủy lợi sang các loại đất khác nhưng có nhiều dự án chưa thực hiện được hoặc thực hiện chưa đủ diện tích đã đăng ký do nhiều nguyên nhân khác nhau như: Nâng cấp mở rộng tuyến đường giao thông từ cầu Quảng Hải đi các xã Quảng Lộc - Quảng Hòa - Quảng Minh - Quảng Sơn - Quảng Thủy, Khu liên hợp thể thao giải trí Tiên Phong của Công ty TNHH xây dựng Tổng hợp Tiên Phong, phường Quảng Long, Tuyến đường từ trung tâm xã Quảng Văn kết nối với đường trục chính vùng Nam, thị xã Ba Đồn dẫn đến chỉ tiêu đất thủy lợi có sự chênh lệch.

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở văn hóa được duyệt đến năm 2024 là 13,72 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 8,31 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 5,41 ha, đạt 60,57%.

Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do công trình đất xây dựng cơ sở văn hóa đã đăng ký thực hiện trong năm 2024 nhưng đến nay chưa thực hiện được hoặc thực hiện với diện tích thấp hơn đã đăng ký như: Xây dựng Quảng trường biên thị xã Ba Đồn dẫn đến chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở văn hóa có sự chênh lệch.

- Đất xây dựng cơ sở y tế: Chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở y tế được duyệt đến năm 2024 là 13,05 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 5,34 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 7,71 ha, đạt 40,92%.

Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do công trình đất xây dựng cơ sở y tế đã đăng ký nhưng chưa thực hiện được như: Bệnh viện đa khoa Khu vực Bắc Quảng Bình (cơ sở 2); Trạm y tế xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025) dẫn đến chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở y tế có sự chênh lệch.

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo được duyệt đến năm 2024 là 58,20 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 55,40 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 2,80 ha, đạt 95,19%.

Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong năm kế hoạch 2024 đã đăng ký các công trình đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được như: Trường Mầm non xã Quảng Sơn (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025); Trường Mầm non xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025); Trường TH-THCS tại xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025) Trường THCS Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025;... dẫn đến chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo có sự chênh lệch.

- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao được duyệt đến năm 2024 là 27,99 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 21,97 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 6,02ha, đạt 78,49%.

Diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong năm kế hoạch 2024 đã đăng ký các công trình đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được như: Nhà thi đấu đa năng và các công trình thị xã Ba Đồn; Sân vận động phường Quảng Phong; Sân vận động xã Quảng Sơn (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025; Sân thể thao xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025) dẫn đến chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao có sự chênh lệch.

- Đất công trình năng lượng: Chỉ tiêu đất công trình năng lượng được duyệt đến năm 2024 là 41,86 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 40,75 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 1,11 ha, đạt 97,35%.

Diện tích đất công trình năng lượng thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong năm kế hoạch đăng ký thực hiện các công trình đất công trình năng lượng nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được như: Cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp khu vực trung tâm thị xã Ba Đồn;... dẫn đến chỉ tiêu đất công trình năng lượng có sự chênh lệch.

- Đất công trình bưu chính, viễn thông: Chỉ tiêu đất công trình bưu chính, viễn thông được duyệt đến năm 2024 là 0,41 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 0,43 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 0,02 ha, đạt 104,88%.

Diện tích đất công trình bưu chính, viễn thông cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do dự án Đường từ ngã tư Quảng Thọ ra Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn (Đường Võ Nguyên Giáp) đăng ký chuyển đổi đất công trình bưu chính, viễn thông sang các loại đất khác nhưng chưa thực hiện được hoặc thực hiện chưa đủ diện tích đã đăng ký do nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến chỉ tiêu đất công trình bưu chính, viễn thông có sự chênh lệch.

- Đất có di tích lịch sử - văn hóa: Chỉ tiêu đất có di tích lịch sử - văn hóa được duyệt đến năm 2024 là 1,32 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 0,92 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 0,40 ha, đạt 69,70%.

Diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong năm kế hoạch đăng ký thực hiện các công trình đất có di tích lịch sử - văn hóa nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được như: Trận đánh lịch sử trên sông Gianh ngày 28/4/1965 thôn Tiên Phong, xã Quảng Tiên; Nhà bia tưởng niệm Trận chống Càn làng Lâm Xuân, xã Quảng Thủy Nhà bia tưởng niệm Trận chống Càn làng Lâm Xuân, xã Quảng Thủy Nhà bia tưởng niệm Trận chống Càn làng Lâm Xuân, xã Quảng Thủy dẫn đến chỉ tiêu đất có di tích lịch sử - văn hóa có sự chênh lệch.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: Chỉ tiêu đất bãi thải, xử lý chất thải được duyệt đến năm 2024 là 1,90 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 1,90 ha, đạt chỉ tiêu đề ra.

- Đất cơ sở tôn giáo: Chỉ tiêu đất cơ sở tôn giáo được duyệt đến năm 2024 là 15,53 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 15,66 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 0,13 ha, đạt 100,84%.

Diện tích đất cơ sở tôn giáo cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 do có một số công trình, dự án đăng ký chuyển đổi đất cơ sở tôn giáo sang các loại đất khác nhưng có nhiều dự án chưa thực hiện được hoặc thực hiện chưa đủ diện tích đã đăng ký do nhiều nguyên nhân khác nhau như: Phát triển quỹ đất điểm dân cư nông thôn, thôn Văn Phú, xã Quảng Văn, thị xã Ba Đồn, Dự án Khu đô thị Cồn Két tại phường Quảng Thuận dẫn đến chỉ tiêu đất cơ sở tôn giáo có sự chênh lệch.

- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Chỉ tiêu đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng được duyệt đến năm 2024 là 328,52 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 337,76 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 9,24 ha, đạt 102,81%.

Diện tích đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng cao hơn so với chỉ tiêu là do trong năm kế hoạch có một số công trình, dự án đăng ký chuyển đổi đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng sang các loại đất khác nhưng có nhiều dự án chưa thực hiện được hoặc thực hiện chưa đủ diện tích đã đăng ký do nhiều nguyên nhân khác nhau như: Khu tiểu thủ công nghiệp tại phường Quảng Thuận, Dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL 12A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh,... nên dẫn đến chỉ tiêu đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng có sự chênh lệch.

- Đất chợ: Chỉ tiêu được duyệt của đất chợ đến năm 2024 là 11,71 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 11,78 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 0,07 ha, đạt 100,06%.

Diện tích đất chợ cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong năm kế hoạch có một số công trình, dự án đăng ký chuyển đổi đất chợ sang các loại đất khác nhưng có nhiều dự án chưa thực hiện được hoặc thực hiện chưa đủ diện tích đã đăng ký do nhiều nguyên nhân khác nhau như: Dự án HTKT khu trung tâm xã Quảng Hòa (Giai đoạn 1), Đấu giá thuê đất Siêu thị thương mại khu vực Rạp trời, phường Ba Đồn,...dẫn đến chỉ tiêu đất chợ có sự chênh lệch.

i. Đất sinh hoạt cộng đồng: Chỉ tiêu diện tích đất sinh hoạt cộng đồng được duyệt đến năm 2024 là 11,52 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 8,46 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 3,06 ha, đạt 73,44%.

Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng thấp hơn so với chỉ tiêu phê duyệt là do một số nhà sinh hoạt cộng đồng tại các xã, phường đã đăng ký trong kế hoạch nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau đến nay vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đủ diện tích đã đăng ký như: Nhà sinh hoạt cộng đồng TDP 1, phường Quảng Phong; Nhà sinh hoạt cộng đồng TDP 3, phường Quảng Phong; Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Vĩnh Phước, xã Quảng Lộc;... dẫn đến chỉ tiêu đất sinh hoạt cộng đồng có sự chênh lệch.

k. Đất khu vui chơi giải trí công cộng: Chỉ tiêu diện tích đất khu vui chơi giải trí công cộng được duyệt đến năm 2024 là 4,53 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 3,90 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 0,63 ha, đạt 86,09%.

Diện tích đất khu vui chơi giải trí công cộng thấp hơn so với chỉ tiêu phê duyệt là do công trình Công viên lễ hội đình làng Phan Long Ba Đồn Công viên lễ hội đình làng Phan Long Ba Đồn đã đăng ký trong kế hoạch nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau đến nay vẫn chưa thực hiện được như dẫn đến chỉ tiêu đất khu vui chơi giải trí công cộng có sự chênh lệch.

l. Đất ở tại nông thôn: Chỉ tiêu diện tích đất ở nông thôn được duyệt đến năm 2024 là 422,72 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 352,02 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 70,70 ha, đạt 83,27%.

Diện tích đất ở tại nông thôn thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do một số công trình, dự án đất ở tại nông thôn đã đăng ký trong kế hoạch nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau đến nay vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đủ diện tích đã đăng ký như: HTKT Khu tái định cư xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025); Phát triển quỹ đất khu dân cư phía Bắc tuyến đường tỉnh lộ 559B, xã Quảng Sơn (Giai đoạn 1); Điểm dân cư nông thôn thôn Tân Trường, xã Quảng Tân; Dự án Điểm dân cư khu vực vườn Phụ Lão, thôn Thượng Thôn, xã Quảng Trung; Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết Khu dân cư vùng dưới Ông Cũ, Phần Tư và phần Hói Ngoài, thôn Vân Đông, xã Quảng Hải;... dẫn đến chỉ tiêu đất ở tại nông thôn có sự chênh lệch.

m. Đất ở tại đô thị: Chỉ tiêu diện tích đất ở tại đô thị được duyệt đến năm 2024 là 564,34 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 365,73 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 198,61 ha, đạt 64,81%.

Diện tích đất ở tại đô thị thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do một số công trình, dự án đất ở tại đô thị đã đăng ký trong kế hoạch nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau đến nay vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đủ diện tích đã đăng ký như: Khu đô thị tại khu vực trung tâm thị xã Ba Đồn (Thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của Thủ tướng Chính phủ); Dự án HTKT tạo quỹ đất ở KDC phía Nam đường Hùng Vương (Giai đoạn 2); Khu phức hợp Ba Đồn, tại phường Ba Đồn; Dự án HTKT Khu dân cư phía Bắc TDP Trường Sơn, phường Quảng Long; Hạ tầng khu dân cư phía Nam TDP Chính Trực, phường Quảng Long; Khu dân cư phía Bắc phường Quảng Long (Giai đoạn 1); Dự án Khu dân cư phía Đông TDP Tân Xuân, phường Quảng Phong; HTKT Khu tái định cư phường Quảng Phúc, thị xã Ba Đồn (phục vụ GPMB Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3); Dự án HTKT Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường Quảng Thọ; HTKT Khu dân cư phía Nam đường Quang Trung, phường Quảng Thọ; Khu đô thị phức hợp du lịch nghỉ dưỡng thương mại tại phường Quảng Thọ; Dự án Khu đô thị Cồn Két tại phường Quảng Thuận; HTKT Khu tái định cư phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn (phục vụ GPMB Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3);... dẫn đến chỉ tiêu đất ở tại nông thôn có sự chênh lệch.

n. Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Chỉ tiêu diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan được duyệt đến năm 2024 là 14,77 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 10,84 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 3,93 ha, đạt 73,39%.

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do một số công trình đất xây dựng trụ sở cơ quan đã đăng ký trong kế hoạch nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau đến nay vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đủ diện tích đã đăng ký như: Trụ sở UBND phường Quảng Thọ; Trụ

sở UBND xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025) dẫn đến chỉ tiêu đất xây dựng trụ sở cơ quan có sự chênh lệch.

o. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Chỉ tiêu diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp được duyệt đến năm 2024 là 3,52 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 3,12 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 0,40 ha, đạt 88,64%.

Diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là trong năm do đã chuyển đổi đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp sang đất ở tại đô thị thuộc dự án Phát triển quỹ đất Khu dân cư phía sau Trụ sở UBND phường Quảng Thọ nên dẫn đến chỉ tiêu đất xây dựng trụ sở cơ quan có sự chênh lệch.

p. Đất tín ngưỡng: Chỉ tiêu diện tích đất tín ngưỡng được duyệt đến năm 2024 là 9,74 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 9,80 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 0,06 ha, đạt 100,62%.

Diện tích đất tín ngưỡng cao hơn chỉ tiêu được phê duyệt là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã đăng ký chuyển đổi đất tín ngưỡng sang các loại đất khác để thực hiện các công trình, dự án nhưng có nhiều dự án chưa thực hiện được dẫn đến chỉ tiêu đất tín ngưỡng có sự chênh lệch.

q. Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối: Chỉ tiêu diện tích đất sông ngòi, kênh, rạch, suối được duyệt đến năm 2024 là 1.474,70 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 1.585,45 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 110,75 ha, đạt 107,51%.

Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối cao hơn chỉ tiêu được duyệt là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã đăng ký chuyển đổi đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối sang các loại đất khác để thực hiện các công trình, dự án nhưng có nhiều dự án chưa thực hiện được như: Đầu tư xây dựng khu vực đóng mới và sửa chữa tàu thuyền nghề cá; Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền nghề cá Huệ Thê; Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và Tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR) tỉnh Quảng Bình (tại thị xã Ba Đồn); Dự án Khu đô thị Cồn Két tại phường Quảng Thuận; Dự án Khu dân cư phía Đông TDP Tân Xuân, phường Quảng Phong; Dự án HTKT tạo quỹ đất ở KDC phía Nam đường Hùng Vương (Giai đoạn 2); Phát triển quỹ đất KDC dọc bờ sông Gianh, TDP Cầu, phường Quảng Thuận; Dự án HTKT Khu quy hoạch điểm dân cư khu phố 2, phường Ba Đồn;... dẫn đến chỉ tiêu đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối có sự chênh lệch.

r. Đất có mặt nước chuyên dùng: Chỉ tiêu diện tích đất có mặt nước chuyên dùng được duyệt đến năm 2024 là 164,03 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 186,14 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 22,11 ha, đạt 113,48%.

Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng cao hơn chỉ tiêu phê duyệt là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã đăng ký chuyển đổi đất có mặt nước

chuyên dùng sang các loại đất khác để thực hiện các công trình, dự án nhưng có nhiều dự án chưa thực hiện được như: Trụ sở công an xã Quảng Hòa; Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025; Nâng cấp hệ thống tưới tiêu và thoát lũ sông Kênh Kịa khu vực thị xã Ba Đồn và Quảng Trạch thuộc dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị_Tiểu dự án Quảng Bình; Dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL 12A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh; Đầu tư xây dựng đường từ phường Quảng Thọ đến trạm biên phòng cảng Gianh, phường Quảng Phúc; Trường Mầm non xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025); Sân thể thao xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025);... dẫn đến diện tích đất có mặt nước chuyên dùng có sự chênh lệch.

2.1.3. Đất chưa sử dụng

Chỉ tiêu diện tích đất chưa sử dụng được duyệt đến năm 2024 là 555,11 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 638,22 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 83,11 ha, đạt 114,97%.

Diện tích đất chưa sử dụng cao hơn chỉ tiêu phê duyệt là do một số hạng mục công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã đăng ký chuyển đổi đất chưa sử dụng để thực hiện nhưng đến nay chưa thực hiện được, bao gồm: Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025; Dự án thành phần 1 - Đường ven biển thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình; Dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL 12A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh; Hạ tầng đường giao thông từ đường Nguyễn Trãi đi quốc lộ 1A, TDP Tiên Phong, phường Quảng Long; Tuyến đường kết nối trung tâm thị xã Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch; Công viên lễ hội đình làng Phan Long Ba Đồn; Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư cầu Bánh Tét, phường Ba Đồn; HTKT Khu dân cư phía Nam đường Quang Trung, phường Quảng Thọ; Dự án Khu đô thị Côn Kết tại phường Quảng Thuận; Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và Tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR) tỉnh Quảng Bình (tại thị xã Ba Đồn); Khu liên hợp thể thao giải trí Tiên Phong của Công ty TNHH xây dựng Tổng hợp Tiên Phong, phường Quảng Long;... dẫn đến diện tích đất chưa sử dụng có sự chênh lệch.

*** Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024**

a) Những mặt được

- Việc lập kế hoạch sử dụng đất đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất; đáp ứng nhu cầu về đất cho phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu đất ở của nhân dân; đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, chất lượng lập kế hoạch sử dụng đất ngày càng được nâng cao.

- Việc triển khai thực hiện các công trình, dự án đảm bảo theo quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt; công tác tạo quỹ đất, phát triển quỹ đất được quan

tâm, triển khai đạt được hiệu quả khá tốt. Công tác thanh tra, kiểm tra tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai được quan tâm, thực hiện, phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; Công tác giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo được thực hiện nghiêm túc.

- Các cấp, các ngành đã chú trọng, tăng cường quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch; kiên quyết xử lý và ngăn chặn tình trạng giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất góp phần đưa công tác quản lý đất đai trên địa bàn thành phố ngày càng đi vào nề nếp.

b) Những mặt tồn tại, nguyên nhân

- Quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024, bên cạnh những kết quả đã đạt được, còn tồn tại, hạn chế như:

- Một số chỉ tiêu sử dụng đất chưa được thực hiện như đất quốc phòng, đất an ninh... Ngoài ra, kết quả chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất trong kế hoạch năm đạt thấp.

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và các địa phương phần lớn dựa vào nhu cầu thực tế của địa phương nhưng chưa chủ động được nguồn vốn đầu tư để thực hiện, do đó hầu hết các công trình chậm thực hiện là do thiếu nguồn vốn;

- Việc lập các dự án đầu tư, lập phương án thu hồi, đền bù, giải phóng mặt bằng vẫn còn những tồn tại nhất định, dẫn tới thời gian triển khai các dự án đôi khi phải kéo dài.

- Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thị xã mặc dù đã đạt được những thành quả nhất định. Tuy nhiên, cũng do nhiều nguyên nhân khác nhau đã làm cho một số chỉ tiêu có kết quả thực hiện đến thời điểm hiện tại đạt tương đối thấp hoặc cao hơn nhiều so với chỉ tiêu được duyệt. Một số nguyên nhân tồn tại như sau:

- Công tác thực hiện kế hoạch sử dụng đất thị xã Ba Đồn trong thời gian qua còn có hạn chế, quá trình dự báo và tính toán các chỉ tiêu chưa phù hợp với tiến trình phát triển. Vì vậy, nhiều chỉ tiêu chưa đạt và nhiều chỉ tiêu vượt xa so với chỉ tiêu kế hoạch, hoặc một số loại đất không phát triển theo kế hoạch.

- Việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt chưa được các cấp, các ngành quan tâm đúng mức, sự phối hợp giữa các ngành có liên quan đến sử dụng đất chưa đồng bộ.

- Chính sách bồi thường và giải phóng mặt bằng chưa thỏa đáng, gây nhiều khó khăn khi Nhà nước thu hồi đất, làm chậm tiến độ xây dựng, thực hiện các công trình quy hoạch.

- Một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất đai, phải lùi tiến độ thực hiện.

- Việc tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt ở các cấp chưa nghiêm và thường xuyên.

2. Kết quả thực hiện công tác quản lý đất đai năm 2024 như sau:

2.1. Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết để thu hồi đất, giao đất, thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất và giải phóng mặt bằng:

Trong năm 2024, UBND thị xã Ba Đồn chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND các xã, phường, các ban, ngành liên quan lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất, đáp ứng nhu cầu đất ở cho nhân dân tại các địa phương. Công tác lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đã được UBND thị xã Ba Đồn triển khai đúng tiến độ. Hiện nay, UBND thị xã Ba Đồn đã có Công văn số 2428/UBND ngày 08/11/2024 về việc đăng ký danh mục công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn thị xã Ba Đồn, năm 2025.

Trong năm 2024, UBND thị xã đã chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường tập trung phối hợp, hướng dẫn cho 16 xã, phường trên địa bàn thị xã triển khai việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024, làm cơ sở cho việc thực hiện kế hoạch Nhà nước hàng năm đúng tiến độ và thời gian quy định.

Trên cơ sở quy hoạch chi tiết khu dân cư đã được phê duyệt tổ chức thực hiện việc giao đất làm nhà ở cho nhân dân, thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng đất, hình thức giao đất theo giá khởi điểm đối với những lô đất đủ điều kiện. Quá trình thực hiện đảm bảo tính công khai, dân chủ, công bằng, đúng quy định của Pháp luật.

2.2. Công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất:

a. Công tác thu hồi đất:

Kết quả thực hiện thu hồi đất để quy hoạch đầu tư xây dựng các công trình, dự án phục vụ Quốc phòng - An ninh, phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn thị xã Ba Đồn năm 2024 tổng cộng 54 công trình, dự án với tổng diện tích 239.663,6 m². *(Chi tiết có phụ lục 1 kèm theo).*

b. Công tác giao đất:

- Công tác giao đất: tiếp nhận và xử lý 125 hồ sơ với tổng diện tích 20.015,2 m², trong đó:

+ Giao đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất: 71 trường hợp với diện tích: 10.130,7 m².

+ Giao đất theo giá khởi điểm: 47 trường hợp với diện tích: 8.827,5 m².

+ Giao đất để bố trí tái định cư: 07 trường hợp với diện tích: 1.057,0 m².

(Chi tiết có phụ lục 2 kèm theo)

c. Công tác cho thuê đất:

Trong năm 2024, UBND thị xã Ba Đồn ban hành 02 Quyết định cho thuê đất đối với hộ gia đình, cá nhân. Cụ thể:

- Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 26/3/2024 về việc cho ông Đoàn Hữu Ly thuê đất để thực hiện dự án Cơ sở giới thiệu và phát triển làng nghề sản

xuất hàng thủ công truyền thống mây tre đan Thọ Đơn tại phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 17/5/2024 về việc cho thuê đất để thực hiện Dự án: Xây dựng Khu du lịch sinh thái nông nghiệp công nghệ cao tổng hợp tại phường Quảng Phúc, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

d. Công tác cho phép chuyển mục đích sử dụng đất:

Trong năm 2024, UBND thị xã đã có quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với 519 hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thị xã chuyển mục đích từ đất trồng cây hàng năm sang đất ở, với tổng diện tích 78.751,6 m² (Trong đó cho phép chuyển sang đất ở đô thị 52.573,0 m² và cho phép chuyển sang đất ở nông thôn 26.178,6 m²).

2.3. Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

UBND thị xã Ba Đồn đã chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường tập trung phối hợp với chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã, đơn đốc các xã, phường xét duyệt hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối các trường hợp đủ điều kiện để trình cấp có thẩm quyền ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Theo kết quả tổng hợp, tính đến ngày 11/11/2024, trên địa bàn thị xã đã thực hiện cấp 326 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó:

- Cấp giấy chứng nhận QSD đất lần đầu: 78 trường hợp.
- Cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất: 43 trường hợp.
- Cấp giấy chứng nhận QSD đất sau trúng đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất theo giá khởi điểm: 192 trường hợp.
- Cấp giấy chứng nhận giao đất tái định cư: 07 trường hợp.
- Cấp giấy chứng nhận các trường hợp thuê đất: 06 trường hợp.

2.4. Công tác thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

UBND thị xã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho 54 công trình, dự án trên địa bàn thị xã Ba Đồn với tổng giá trị phê duyệt 155.761.663.497 đồng, trong đó:

+ Bồi thường về đất:	32.797.615.500 đồng.
+ Bồi thường tài sản trên đất:	59.519.293.264 đồng.
+ Hỗ trợ về đất:	44.580.050.088 đồng.
+ Hỗ trợ tài sản trên đất:	3.069.127.525 đồng.
+ Các khoản hỗ trợ:	15.795.577.120 đồng.

(Chi tiết có phụ lục 1 kèm theo)

2.5. Công tác thu ngân sách từ tiền sử dụng đất:

Thực hiện kế hoạch thu ngân sách từ tiền sử dụng đất năm 2024, UBND thị xã Ba Đồn đã chỉ đạo Ban QLDA Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất phối hợp với các phòng ban liên quan và UBND các xã, phường tiến hành công tác thu ngân sách từ đầu giá quyền sử dụng đất và giao đất theo giá khởi điểm.

Kết quả số thu tiền sử dụng đất từ bán đấu giá QSD đất và giao đất theo giá khởi điểm trong năm 2024 là: 153.149.180.000 đồng, cụ thể:

- Thu qua đấu giá QSD đất: 90.389.028.000 đồng.
- Thu qua giao đất theo giá khởi điểm: 51.625.450.000 đồng.
- Thu qua giao đất bố trí tái định cư: 11.134.702.000 đồng.

(Chi tiết có phụ lục 2 kèm theo)

3. Những khuyết điểm, hạn chế trong công tác quản lý và sử dụng đất năm 2024:

- Công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa kịp thời, thiếu tính khả thi, còn lúng túng khi có nhu cầu sử dụng đất phát sinh dẫn đến việc quy hoạch xong phải điều chỉnh quy hoạch cho hợp lý; Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn gặp khó khăn trong việc lập kế hoạch sử dụng đất do UBND xã, phường chưa đăng ký kịp thời hoặc chưa sát với nhu cầu sử dụng đất.

- Công tác quản lý sử dụng đất trên địa bàn từng xã, phường chưa được chặt chẽ, thiếu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát trong quá trình sử dụng đất một cách thường xuyên nên còn để ra tình trạng lấn chiếm đất đai làm nhà trái phép, tranh chấp đất đai, khiếu kiện vượt cấp còn xảy ra chưa giải quyết dứt điểm tại các xã, phường: Quảng Thuận, Quảng Hòa, Quảng Lộc, Quảng Minh, Quảng Hải gây dư luận trong nhân dân. ải gây dư luận trong nhân dân.

- Tiến độ đầu tư và hạn chế về nguồn vốn đầu tư làm ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện được.

- Diện tích đất chưa sử dụng trên địa bàn thị xã vẫn còn nhiều.

- Kinh phí để phục vụ công tác quản lý Tài nguyên và Môi trường còn hạn chế. Các công việc cần thiết phải tiến hành triển khai nhưng không có kinh phí, gặp khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

II. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI NĂM 2025:

Để công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai ngày càng đi vào nề nếp, chặt chẽ, đúng luật và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thị xã Ba Đồn. UBND thị xã xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể như sau:

1. Phương hướng công tác quản lý đất đai năm 2025 tập trung vào những nội dung sau:

Tập trung chỉ đạo các xã, phường thực hiện tốt Luật Đất đai 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, có kế hoạch tổ chức các lớp phổ biến pháp luật để tuyên truyền có hiệu quả cho nhân dân về Luật Đất đai và các văn bản thi hành luật. Từ đó nâng cao ý thức chấp hành pháp luật đến với từng người dân.

Tập trung chỉ đạo thực hiện hoàn thành Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 từ thị xã đến xã, phường nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý và sử dụng đất đai.

Thực hiện tốt công tác thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng các công trình dự án phát triển hạ tầng xã hội, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thị xã.

Đổi mới và nâng cao ý thức trong công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ giao đất, cho thuê đất và cấp GCN QSD đất của các hộ gia đình cá nhân, thực hiện đúng các quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành luật. Đẩy nhanh công tác cấp giấy chứng nhận QSD đất lần đầu còn tồn đọng tại các xã, phường.

Tiếp nhận và giải quyết kịp thời, dứt điểm các đơn thư khiếu nại, tố cáo, tranh chấp trong lĩnh vực đất đai và các tài nguyên khác thuộc thẩm quyền phân cấp quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

Tăng cường hơn nữa công tác thanh tra, kiểm tra về quản lý, sử dụng đất đối với các xã, phường, các tổ chức sử dụng đất trên địa bàn thị xã, thực hiện tốt chức năng quản lý Nhà nước đối với các lĩnh vực đất đai. UBND thị xã Ba Đồn trực tiếp đôn đốc, chỉ đạo UBND các xã, phường thực hiện tốt kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

2. Kế hoạch sử dụng đất của năm 2025 như sau:

2.1. Kế hoạch thu hồi đất để xây dựng các công trình, dự án năm 2025:

a) Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi trong năm 2025 là 392,65 ha. Trong đó, diện tích thu hồi cụ thể của mỗi loại đất như sau:

- Đất trồng lúa: 181,83 ha (Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước là 170,37 ha)

- Đất trồng cây hàng năm khác: 26,82 ha

- Đất trồng cây lâu năm: 0,81 ha

- Đất rừng phòng hộ: 41,55 ha

- Đất rừng sản xuất: 87,40 ha

- Đất nuôi trồng thủy sản: 54,16 ha

- Đất nông nghiệp khác: 0,08 ha

b) Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp cần thu hồi trong năm 2025 là 205,40 ha. Trong đó, diện tích thu hồi cụ thể của mỗi loại đất như sau:

- Đất an ninh: 0,03 ha

- Đất thương mại, dịch vụ: 2,56 ha

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 2,05 ha

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 0,07 ha

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 106,31 ha
- Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,65 ha
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,10 ha
- Đất ở tại nông thôn: 1,45 ha
- Đất ở tại đô thị: 7,66 ha
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,24 ha
- Đất tín ngưỡng: 0,06 ha
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 70,96 ha
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 13,26 ha

2.2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025:

a) Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Ba Đồn cần chuyển đổi mục đích sử dụng 403,17 ha đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp, chi tiết từng loại đất cần chuyển mục đích sử dụng như sau:

- Đất trồng lúa chuyển sang phi nông nghiệp với diện tích 185,28 ha.

Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang phi nông nghiệp với diện tích 173,82 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang phi nông nghiệp với diện tích 31,73 ha.

- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang phi nông nghiệp với diện tích 0,81 ha.
- Đất rừng phòng hộ chuyển sang phi nông nghiệp với diện tích 41,55 ha.
- Đất rừng sản xuất chuyển sang phi nông nghiệp với diện tích 87,69 ha.
- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang phi nông nghiệp với diện tích 56,03 ha.

- Đất nông nghiệp khác chuyển sang phi nông nghiệp với diện tích 0,08 ha.

b) Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở với diện tích là 76,65 ha.

2.3. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng trong năm 2025:

a) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích đất nông nghiệp là 38,04 ha. Trong đó:

- Đất rừng phòng hộ: 38,04 ha

b) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích đất phi nông nghiệp là 47,74 ha. Trong đó:

- Đất cụm công nghiệp: 1,06 ha
- Đất thương mại, dịch vụ: 11,08 ha
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,21 ha
- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 13,44 ha
- Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,17 ha
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,71 ha

- Đất ở tại nông thôn: 2,85 ha
- Đất ở tại đô thị: 17,21 ha
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,01 ha

3. Kế hoạch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉnh lý biên độ đất đai:

- Đẩy nhanh công tác cấp giấy chứng nhận QSD đất lần đầu còn tồn đọng tại các xã, phường.
- Tiếp nhận, xử lý và trả kết quả đúng hạn đối với hồ sơ của các hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu trong năm 2025.
- Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn các xã, phường trong công tác cấp GCN, giao chỉ tiêu cấp giấy chứng nhận QSD đất đến từng xã, phường cụ thể.

4. Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn thị xã Ba Đồn:

Trong năm 2025, UBND thị xã Ba Đồn dự kiến thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất đối với 20 công trình, dự án với diện tích 241.148,2 m² tại 16 xã, phường trên địa bàn thị xã.

(Chi tiết có phụ lục 3 kèm theo)

5. Các giải pháp thực hiện kế hoạch sử dụng đất:

- Tuân thủ những quy định Luật đất đai và những văn bản hướng dẫn thi hành Luật; tiếp tục công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai sâu rộng trong cán bộ và nhân dân.

- Về chính sách:

+ Thực hiện đồng bộ các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai ở tất cả các cấp và các ngành trên địa bàn thị xã; Bám sát nội dung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và triển khai có hiệu quả, bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn.

+ Thực hiện cải cách thủ tục hành chính đồng bộ trên các lĩnh vực: cấp phép đầu tư, cấp phép xây dựng, thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo hướng khuyến khích hình thức chủ đầu tư tự thỏa thuận với người có đất bị thu hồi trên cơ sở quy định của pháp luật. Đồng thời có chính sách đào tạo, tạo việc làm cho người lao động, gắn việc chuyển đổi đất đai với chuyển đổi lao động, đặc biệt ưu tiên đối với những vùng phải chuyển nhiều đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp. Bố trí nguồn kinh phí xây dựng trước các khu tái định cư tập trung, đảm bảo hạ tầng kỹ thuật đồng bộ để ổn định đời sống nhân dân.

- Về quản lý đất đai:

+ Công bố rộng rãi phương án quy hoạch sử dụng đất được duyệt trên các phương tiện thông tin đại chúng, kết hợp với tuyên truyền, phổ biến pháp luật đất

đai ở cơ sở nhằm nâng cao ý thức sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch sử dụng đất được duyệt, ngăn chặn các hiện tượng vi phạm pháp luật đất đai.

+ Tiếp tục chỉ đạo UBND các xã, phường, đơn vị tư vấn hoàn thiện dự án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. Tăng cường năng lực quản lý đất đai cho cơ sở nhằm đáp ứng yêu cầu trong công tác quản lý sử dụng đất đai phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

+ Tăng cường thanh tra, kiểm tra phát hiện các vi phạm pháp luật về đất đai, ngăn chặn và xử lý kịp thời; quản lý chặt chẽ và thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

+ Có kế hoạch đảm bảo các nguồn thu từ đất, đặc biệt là dành quỹ đất thích hợp cho đấu giá để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng và phục vụ cho công tác quản lý đất đai.

+ Tăng cường tổ chức ngành Tài nguyên và Môi trường đủ, mạnh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác tài nguyên môi trường và khoáng sản trong giai đoạn tới. Chú trọng bồi dưỡng chuyên môn trình độ cho cán bộ địa chính cấp xã nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thị xã trong giai đoạn mới.

Để hoàn thành kế hoạch Nhà nước năm 2025, UBND thị xã Ba Đồn tiếp tục chỉ đạo các phòng ban chức năng và UBND các xã, phường phân đấu hoàn thành nhiệm vụ, thực hiện công tác quản lý và sử dụng đất trên địa bàn.

Trên đây là báo cáo tình hình quản lý và sử dụng đất đai năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ thực hiện kế hoạch quản lý và sử dụng đất đai năm 2025, UBND thị xã Ba Đồn kính báo cáo/.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
 - VP UBND tỉnh;
 - Thường trực Thị ủy;
 - TT HĐND thị xã
 - CT và các PCT UBND thị xã;
 - Các vị ĐB HĐND thị xã;
 - Các phòng ban, đơn vị liên quan;
 - Lưu: VT.
- (Đề b/c);

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Ninh

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC UBND THỊ XÃ BA ĐỒN THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT, PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN GPMB NĂM 2025

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)					
				Cộng bồi thường, hỗ trợ	Bồi thường về đất	Bồi thường tài sản trên đất	Hỗ trợ về đất	Hỗ trợ tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình (cơ sở 2)	Quảng Thọ	0,0	486.375.000	0	486.375.000	0	0	0
2	Cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thị xã thành phố thuộc tỉnh Quảng Bình	Quảng Thuận	1.290,2	286.850.280	45.157.000	7.354.140	225.785.000	7.354.140	1.200.000
3	Di dời hệ thống điện (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, đoạn đi qua thị xã Ba Đồn)	Quảng Lộc	140,2	33.840.280	4.907.000	799.140	24.535.000	799.140	2.800.000
4	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn (phục vụ công tác giải phóng mặt bằng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021- 2025, đoạn đi qua thị xã Ba Đồn)	Quảng Sơn	493,5	135.861.542	17.272.500	8.523.271	49.350.000	0	60.715.771
5	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Quảng Lộc	1.143,8	274.338.060	40.033.000	3.020.598	200.165.000	0	31.119.462
6	Mở rộng khuôn viên nghĩa địa tại thôn Cao Cựu, xã Quảng Hòa để di dời lăng mộ do ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án đường bộ cao tốc Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, tỷ lệ 1/500	Quảng Hòa	1.671,0	690.760.956	58.485.000	9.365.956	292.425.000	292.425.000	38.060.000

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m2)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)					
				Cộng bồi thường, hỗ trợ	Bồi thường về đất	Bồi thường tài sản trên đất	Hỗ trợ về đất	Hỗ trợ tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ
7	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	Quảng Hải	1.162,7	29.800.000.000	0	29.800.000.000	0	0	0
8	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (Lần 6)	Quảng Hòa	0,0	19.098.000	0	19.098.000	0	0	0
9	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (Lần 4)	Quảng Lộc	7.515,3	26.546.656.228	8.363.873.500	3.646.141.228	5.716.524.000	0	8.820.117.500
10	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (Lần 5)	Quảng Lộc	2.136,8	2.062.312.738	74.788.000	997.895.577	919.996.000	0	69.633.161
11	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (Lần 6)	Quảng Lộc	2.486,8	5.367.217.608	2.345.004.000	886.569.108	1.905.744.500	0	229.900.000
12	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (Lần 3)	Quảng Lộc	0,0	9.467.830.081	0	9.464.385.313	0	3.444.768	0

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m2)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)					
				Cộng bồi thường, hỗ trợ	Bồi thường về đất	Bồi thường tài sản trên đất	Hỗ trợ về đất	Hỗ trợ tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ
13	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (Lần 3)	Quảng Minh	101.612,6	3.978.378.089	609.675.600	164.947.437	3.048.378.000	68.437.052	86.940.000
14	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (Lần 10)	Quảng Sơn	1.141,4	343.809.302	39.949.000	6.317.651	114.140.000	6.317.651	177.085.000
15	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (Lần 11)	Quảng Sơn	1.354,6	7.965.380.774	993.331.500	4.139.178.774	898.035.000	0	1.934.835.500
16	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (Lần 12)	Quảng Sơn	370,2	122.222.584	12.827.500	2.028.577	36.650.000	42.829.007	27.887.500
17	Sân thể thao xã Quảng Hải (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua thị xã Ba Đồn) - Bổ sung tài sản	Quảng Hải	0,0	20.386.233	0	2.267.500	0	18.118.733	0
18	Trường Mầm non xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025)	Quảng Hải	6.343,7	1.482.548.960	222.029.500	34.255.980	1.110.147.500	34.255.980	81.860.000

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m2)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)					
				Cộng bồi thường, hỗ trợ	Bồi thường về đất	Bồi thường tài sản trên đất	Hỗ trợ về đất	Hỗ trợ tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ
19	Trường Mầm non xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025) - Bổ sung nhân khẩu hỗ trợ ổn định đời sống	Quảng Hải	0,0	20.700.000	0	0	0	0	20.700.000
20	Di dời hệ thống cáp viễn thông bị ảnh hưởng để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường hai đầu cầu Cồn Nâm xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn	Quảng Minh	0,0	27.966.000	0	27.966.000	0	0	0
21	Đường Nguyễn Hữu Cảnh nối dài, đoạn từ ngã tư Võ Nguyên Giáp đi Quốc lộ 1A, thị xã Ba Đồn (Lần 2)	Quảng Thọ	84,1	1.081.306.344	2.943.500	175.714.474	82.697.500	818.750.870	1.200.000
22	Đường Nguyễn Hữu Cảnh nối dài, đoạn từ ngã tư Võ Nguyên Giáp đi Quốc lộ 1A, thị xã Ba Đồn (Lần 3)	Quảng Thọ	21,4	33.335.603	749.000	32.186.603	0	0	400.000
23	Hạ tầng các tuyến nối từ Quốc lộ 12A phường Quảng Phong đi phường Quảng Long và kết nối đường đi trung tâm huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1 - Lần 6)	Ba Đồn	38,0	576.065.656	110.980.000	232.142.828	232.142.828	0	800.000
24	Hạ tầng các tuyến nối từ Quốc lộ 12A phường Quảng Phong đi phường Quảng Long và kết nối đường đi trung tâm huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1 - Lần 7)	Ba Đồn Quảng Long	636,1	4.240.612.313	1.755.263.500	911.091.407	1.462.816.000	63.421.406	48.020.000
25	Hạ tầng các tuyến nối từ Quốc lộ 12A phường Quảng Phong đi phường Quảng Long và kết nối đường đi trung tâm huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1 - Lần 8)	Quảng Long	180,0	1.605.401.330	1.574.640.000	14.584.850	0	16.176.480	0

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m2)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)					
				Cộng bồi thường, hỗ trợ	Bồi thường về đất	Bồi thường tài sản trên đất	Hỗ trợ về đất	Hỗ trợ tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ
26	Các tuyến đường từ nhà thờ Tân Phong đến khu quy hoạch Vĩnh Trền, phường Quảng Phong, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (Lần 1)	Quảng Phong	3.271,2	2.668.300.414	1.375.492.000	179.462.367	935.795.000	16.329.047	161.222.000
27	Tuyến đường từ trung tâm xã Quảng Văn kết nối với đường trục chính vùng Nam, thị xã Ba Đồn (lần 2)	Quảng Hòa	3.371,4	1.217.730.220	117.999.000	439.559.519	589.995.000	18.896.701	51.280.000
28	Tuyến đường từ trung tâm xã Quảng Văn kết nối với đường trục chính vùng Nam, thị xã Ba Đồn (Lần 3)	Quảng Hòa	2.340,8	527.288.370	81.928.000	13.120.185	409.640.000	13.120.185	9.480.000
29	Tuyến đường từ trung tâm xã Quảng Văn kết nối với đường trục chính vùng Nam, thị xã Ba Đồn	Quảng Văn	830,4	99.097.743	0	76.676.943	22.420.800	0	0
30	Dự án thành phần 1: Đầu tư xây dựng QL12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn thuộc dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL12A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh (Đợt 3)	Quảng Long	3.808,8	5.709.401.351	1.834.131.000	1.564.500.251	2.139.217.500	0	171.552.600
31	Dự án thành phần 1: Đầu tư xây dựng QL12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn thuộc dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL12A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh (Đợt 4)	Quảng Long	378,5	504.768.789	13.247.500	425.283.789	66.237.500	0	0
32	Dự án thành phần 1: Đầu tư xây dựng QL12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn thuộc dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL12A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh (Đợt 5)	Quảng Long	8.969,0	21.258.372.686	5.268.737.500	1.350.619.186	14.215.905.000	0	423.111.000

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m2)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)					
				Cộng bồi thường, hỗ trợ	Bồi thường về đất	Bồi thường tài sản trên đất	Hỗ trợ về đất	Hỗ trợ tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ
33	Dự án thành phần 1 - Đường ven biển thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình (đoạn Nam Roòn - Quảng Phúc) - Đợt 10	Quảng Phúc	0,0	69.362.561	0	46.924.510	0	22.438.051	0
34	Dự án thành phần 1 - Đường ven biển thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình (đoạn Nam Roòn - Quảng Phúc) - Đợt 11	Quảng Phúc	2.759,9	772.248.212	96.596.500	192.669.212	482.982.500	0	0
35	Dự án thành phần 1 - Đường ven biển thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình (đoạn Nam Roòn - Quảng Phúc) - Đợt 12	Quảng Phúc	0,0	9.549.000	0	9.549.000	0	0	0
36	Hạ tầng tuyến đường từ cầu Quảng Hải kết nối các tuyến đường trục chính qua các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn (Giai đoạn 1 - Đợt 6)	Quảng Lộc Quảng Hòa	757,0	108.981.244	17.755.500	624.122	88.777.500	0	1.824.122
37	Hạ tầng tuyến đường từ cầu Quảng Hải kết nối các tuyến đường trục chính qua các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn (Giai đoạn 1 - Đợt 7)	Quảng Hòa	339,3	2.909.374.350	308.375.500	596.009.550	358.950.000	0	1.646.039.300
38	Hạ tầng khu dân cư dọc tuyến đường trục chính từ Quốc lộ 12A đi cụm trung tâm các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn (Đợt 2 - Lần 1)	Quảng Hòa	595,2	133.830.760	20.832.000	2.378.380	104.160.000	2.320.380	4.140.000
39	Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm xã Quảng Hoà, thị xã Ba Đồn (Giai đoạn 1 - Đợt 4)	Quảng Hòa	762,1	168.671.018	26.673.500	4.315.009	133.367.500	0	4.315.009

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m2)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)					
				Cộng bồi thường, hỗ trợ	Bồi thường về đất	Bồi thường tài sản trên đất	Hỗ trợ về đất	Hỗ trợ tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ
40	Xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án: Hệ thống Hạ tầng tuyến đường từ cầu Quảng Hải kết nối các tuyến đường trục chính qua các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn (Giai đoạn 1)	Quảng Hòa	1.019,6	35.686.000	0	0	35.686.000	0	0
41	Hạ tầng kỹ thuật tạo quỹ đất khu dân cư phía Nam đường Hùng Vương, thị xã Ba Đồn (Giai đoạn 1, bổ sung tài sản của bà Nguyễn Thị Thọ - ông Nguyễn Văn Dương)	Ba Đồn	0,0	49.754.572	0	26.958.400	22.796.172	0	0
42	Hạ tầng kỹ thuật tạo quỹ đất khu dân cư phía Nam đường Hùng Vương, thị xã Ba Đồn (Giai đoạn 1, các hộ còn lại - Lần 3)	Ba Đồn	225,0	5.526.906.812	2.240.937.000	1.481.127.812	146.769.000	1.578.812.000	79.261.000
43	Nhà thi đấu đa năng và các công trình phụ trợ, thị xã Ba Đồn (Đợt 1 - Lần 2)	Quảng Phong	8.445,4	2.037.144.614	295.589.000	46.935.307	1.477.945.000	0	216.675.307
44	Nhà thi đấu đa năng và các công trình phụ trợ, thị xã Ba Đồn (Đợt 1 - Lần 3)	Quảng Phong	3.237,8	773.886.142	113.323.000	17.994.071	566.615.000	0	75.954.071
45	Nhà thi đấu đa năng và các công trình phụ trợ, thị xã Ba Đồn (Đợt 1 - Lần 4)	Quảng Phong	1.886,2	123.413.121	62.814.500	12.892.288	12.892.288	0	34.814.045
46	Phát triển quỹ đất khu dân cư Đồng Cồn Trót, tổ dân phố Chính Trực, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (Lần 1)	Ba Đồn	487,5	3.559.542.000	2.498.537.000	0	972.880.000	0	88.125.000
47	Thao trường bắn của lực lượng vũ trang thị xã Ba Đồn	Quảng Tiên	25.630,2	2.048.247.455	205.041.600	732.959.026	1.025.208.000	25.078.829	59.960.000

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)					
				Cộng bồi thường, hỗ trợ	Bồi thường về đất	Bồi thường tài sản trên đất	Hỗ trợ về đất	Hỗ trợ tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ
48	Nâng cấp hệ thống tưới, tiêu và thoát lũ sông Kênh Kịa khu vực thị xã Ba Đồn và huyện Quảng Trạch thuộc Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình (Đợt 5)	Quảng Long	0,0	705.719.160	0	4.729.160	0	0	700.990.000
49	Nâng cấp hệ thống tưới, tiêu và thoát lũ sông Kênh Kịa khu vực thị xã Ba Đồn và huyện Quảng Trạch thuộc Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình (Đợt 6)	Quảng Long	16.950,7	738.400.616	27.636.000	3.473.058	703.818.500	3.473.058	0
50	Nâng cấp hệ thống tưới, tiêu và thoát lũ sông Kênh Kịa khu vực thị xã Ba Đồn và huyện Quảng Trạch thuộc Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình (Đợt 5)	Quảng Long và Quảng Phong	4.852,6	606.571.016	80.017.000	35.045.016	489.909.000	0	1.600.000
51	Dự án: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường hai đầu cầu Cồn Năm xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn	Quảng Minh	4.458,2	587.727.000	72.789.300	145.591.200	363.946.500	0	5.400.000
52	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn (Đợt 1 – Lần 4)	Quảng Thọ	5.141,3	2.061.912.250	179.945.500	827.752.801	899.727.500	0	154.486.449

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)					
				Cộng bồi thường, hỗ trợ	Bồi thường về đất	Bồi thường tài sản trên đất	Hỗ trợ về đất	Hỗ trợ tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ
53	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn (Đợt 2 – Lần 1)	Quảng Thọ	6.051,9	1.412.221.646	211.816.500	30.471.323	1.059.082.500	0	110.851.323
54	Công trình: Các tuyến đường từ nhà thờ Tân Phong đến khu quy hoạch Vĩnh Trền, phường Quảng Phong, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (Lần 1)	Quảng Phong	3.271,2	2.668.300.414	1.375.492.000	179.462.367	935.795.000	16.329.047	161.222.000
Tổng cộng: 54 công trình, dự án			239.663,6	155.761.663.497	32.797.615.500	59.519.293.264	44.580.050.088	3.069.127.525	15.795.577.120

PHỤ LỤC 2
KẾT QUẢ GIAO ĐẤT, THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỪ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT, BÁN THEO GIÁ KHỞI ĐIỂM, GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ BA ĐỒN

STT	Xã, phường	Dự án	Tổng số thửa	Tổng diện tích (m ²)	Tổng tiền sử dụng đất (đồng)
I	Đấu giá QSD đất		71	10.130,7	90.389.028.000
1	Quảng Thọ	Phát triển quỹ đất Khu dân cư phía sau trụ sở UBND Phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn	6	1184,8	8.320.057.000
2	Quảng Hòa	Đấu giá lần 2 đối với dự án hạ tầng khu dân cư dọc tuyến đường trục chính từ QL12 A đi trung tâm các xã vùng nam thị xã Ba Đồn, đợt 1	26	4167,5	26.981.498.000
3	Quảng Thuận	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đồng Mua Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	10	1.724,40	11.756.509.000
4	Ba Đồn	Đấu giá lần 2 đối với 25 Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Nam đường Hùng Vương thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (đợt 2 –GD1)	15	2.176,0	27.274.810.000
5	Ba Đồn	Đấu giá 02 thửa đất ở xen cư Giếng Cau phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	1	188,4	2.205.000.000
6	Quảng Hòa	Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm xã Quảng Hòa, thị xã Ba Đồn (Giai đoạn 1)	13	2.414	13.851.154.000
II	Giao đất theo giá khởi điểm		47	8.827,5	51.625.450.000
1	Quảng Hòa	Hạ tầng khu dân cư dọc tuyến đường trục chính từ Quốc lộ 12A đi cụm trung tâm các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn xã Quảng Hòa (Giao lần 1)	13	2.151,0	11.096.000.000
2	Quảng Long	Phát triển quỹ đất tại Khu dân cư Đồng Cồn Trót, tổ dân phố Chính Trục, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (Đợt 1)	10	1.939,0	14.866.000.000
3	Quảng Hòa	Hạ tầng khu dân cư dọc tuyến đường trục chính từ Quốc lộ 12A đi cụm trung tâm các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn xã Quảng Hòa (Giao lần 2)	10	1.775,0	9.569.000.000
4	Quảng Thọ	Phát triển quỹ đất Khu dân cư phía sau trụ sở UBND Phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn	6	1.168,0	7.813.450.000
5	Quảng Hòa	Hạ tầng khu dân cư dọc tuyến đường trục chính từ Quốc lộ 12A đi cụm trung tâm các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn xã Quảng Hòa (Giao lần 3)	8	1.794,5	8.281.000.000

STT	Xã, phường	Dự án	Tổng số thửa	Tổng diện tích (m ²)	Tổng tiền sử dụng đất (đồng)
III	Giao đất tái định cư		7	1.057,0	11.134.702.000
1	Quảng Thủy	Giao đất cho bà Hoàng Thị Nhân để bồi thường bằng đất do GPMB xây dựng Công trình: Nhà văn hóa Thôn Nam Thủy, xã Quảng Thủy	1	197,5	62.632.000
2	Ba Đồn	Giao đất bố trí tái định cư và bồi thường bằng đất thực hiện Dự án: Hạ tầng kỹ thuật tạo quỹ đất khu dân cư phía Nam đường Hùng Vương, thị xã Ba Đồn (Giai đoạn 1)	5	666,5	9.470.170.000
3	Quảng Phong	Giao đất cho ông Nguyễn Đức Quyên để bồi thường bằng đất khi giải phóng mặt bằng thực hiện Công trình: Các tuyến đường từ nhà thờ Tân Phong đến khu quy hoạch Vĩnh Trền, phường Quảng Phong, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (Lần 1)	1	193,0	1.601.900.000
Tổng cộng (I+II+III):			125	20.015,2	153.149.180.000

PHỤ LỤC 3
KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

STT	Tên danh mục dự án	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Ghi chú
I	Các dự án phát triển quỹ đất		164.238,3	
1	Quy hoạch chi tiết phát triển quỹ đất vùng Đồng Bàu, TDP Chính Trực, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	Quảng Long	9.768,3	
2	Phát triển quỹ đất khu dân cư Đồng Cồn Trót, tổ dân phố Chính Trực, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn (đợt 2)	Quảng Long	8.930,0	
3	Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm xã Quảng Hòa, thị xã Ba Đồn (Đợt 2-GĐ1)	Quảng Hòa	3.040,0	
4	Phát triển quỹ đất khu dân cư dọc tuyến đường tỉnh lộ 559 xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn	Quảng Lộc	2.400,0	
5	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Nam đường Hùng Vương thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. (GĐ 2)	Ba Đồn	112.900,0	
6	Dự án khu dân cư và đường Lý Thường Kiệt đoạn qua phường Quảng Thuận	Quảng Thuận	11.200,0	
7	Hạ tầng kỹ thuật khu dân ở mới thôn Tiên Xuân, xã Quảng Tiên, thị xã Ba Đồn (giai đoạn 1)	Quảng Tiên	16.000,0	
II	Đất xen cư trên địa bàn các xã, phường		76.909,9	
1	Xã Quảng Minh		7.622,8	
2	Xã Quảng Sơn		5.860,0	
3	Xã Quảng Thủy		14.058,1	
4	Xã Quảng Hoà		6.754,0	
5	Xã Quảng Lộc		3.539,0	
6	Xã Quảng Văn		571,7	
7	Xã Quảng Tân		4.944,0	
8	Xã Quảng Trung		16.155,9	
9	Xã Quảng Hải		5.882,0	
10	Phường Quảng Long		5.000,0	
11	Phường Quảng Phong		1.924,3	
12	Phường Quảng Phúc		4.000,0	
13	Phường Quảng Thuận		598,1	
Tổng cộng (I+II): 20 công trình, dự án			241.148,2	